TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2022/ST-HNGĐ
Ngày: 21.6.2022
V/v: *tranh chấp xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Bà* **Phương Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

2. *Ông* **Đào Văn Hoan**

- Thư ký phiên tòa: *Bà* **Trần Thị Huyền Trang**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà: Bà* **Nguyễn Thị Thu Phương**-Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/**2021**/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp "*xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *153/2022*/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm *2022* giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: ***Bà Hoàng H Y, sinh năm 1984***; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà *** P, tổ dân phố ** phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: số nhà 210 P, tổ dân phố ** phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; số điện thoại: 096114****. Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn***: ***Ông Phạm T T, sinh năm 1979***; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Phòng *** G1 Tập thể trường T - Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Số điện thoại: 038567****. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, bà Hoàng H Y có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: xin ly hôn với ông Phạm T T.

Về con: Bà Hoàng H Y và ông Phạm T T có 01 con chung: là Phạm B N, sinh ngày 10.01.2012. Sau khi ly hôn, có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Phạm T T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Bà Hoàng H Y tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thống nhất nội dung vụ án như sau:

Bà Hoàng H Y và ông Phạm T T đăng ký kết hôn ngày 19.01.2011 tại UBND phường Phúc La, quận Hà Đông trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Bà Hoàng H Y xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên xin ly hôn. Ông Phạm T T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn.

Về con: bà Hoàng H Y và ông Phạm T T có 01 con chung là Phạm B N, sinh ngày 10.01.2012; Khi ly hôn, bà Hoàng H Y có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Phạm T T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Ông Phạm T T xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do bà Hoàng H Y trực tiếp nuôi dưỡng rất tốt. Tuy nhiên ông không có ý kiến gì vì muốn con có sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

2- Bản sao Giấy khai sinh của con.

3- Bản sao sổ hộ khẩu

4- Giấy tờ nhân thân khác.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà Hoàng H Y giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ông Phạm T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 262 BLTTDS;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ:

- Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng H Y với anh Phạm T T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm B N cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc anh chị có thỏa thuận khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: buộc anh T phải cấp dưỡng cho cháu Ngân 3.000.000 đồng/ tháng

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn chịu án phí về cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Hoàng H Y xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, ông Phạm T T không đồng ý ly hôn nhưng trong 3 phiên hòa giải liên tiếp không đến Tòa án. Do đó, vụ án

thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về hôn nhân: Bà Hoàng H Y và ông Phạm T T kết hôn tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Hoàng H Y xác định mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, ông Phạm T T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống cùng nhau, trừ khi có thỏa thuận khác. Trong vụ án này, vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2016; hôn nhân chỉ tồn tại về mặt hình thức, bà Hoàng H Y xin ly hôn là có cơ sở. Cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng H Y là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3] Về con chung: Bà Hoàng H Y và ông Phạm T T có 01 con chung là Phạm B N, sinh ngày 10.01.2012; Khi ly hôn, bà Hoàng H Y có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Phạm T T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Kể từ khi vợ chồng mâu thuẫn, con chung do bà Hoàng H Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm T T xác nhận việc nuôi dưỡng con chung của bà Hoàng H Y là rất tốt. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao con chung cho bà Hoàng H Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Phạm T T là công an phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, có thu nhập ổn định. Do đó, bà Hoàng H Y yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Ông Phạm T T và bà Hoàng H Y không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà

Hoàng H Y phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, ông Phạm T T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 27, 63, 227, 220, 264, 266, 267, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hoàng H Y và ông Phạm T T.

2- Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm B N, sinh ngày 10.01.2012 cho bà Hoàng H Y trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Buộc ông Phạm T T cấp dưỡng nuôi con cho bà Hoàng H Y 3.000.000 đồng/1 tháng (ba triệu đồng/một tháng) kể từ tháng 6.2022 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Phạm T T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3- Về chia tài sản: bà Hoàng H Y và ông Phạm T T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4- Về án phí: Bà Hoàng H Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007033 ngày 22.10.2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Bà Hoàng H Y đã nộp xong tiền án phí.

Ông Phạm T T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN	HỘI THẨM NHÂN DÂN

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)